

TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TƯ TƯỞNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM THỂ HIỆN TRONG CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

Hội nhập quốc tế là một chủ trương lớn, xuyên suốt trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta ngay từ khi chúng ta giành được chính quyền, thành lập một nước Việt Nam mới.

Ngày 06-03-1946, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa đã ký hiệp định sơ bộ với Chính phủ Pháp, trong đó khẳng định: “Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính của mình, và là một phần tử trong liên bang Đông Dương ở trong khối liên hiệp Pháp”¹ trong thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1946 gửi tổng thư ký liên hợp quốc có khẳng định: Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực: nhà nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình; nhà nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay, và đường xá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế; nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc².

Tuy vậy, ngay sau đó, Việt Nam phải tiến hành cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân pháp (1946-1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ kéo dài hai mươi một năm (1954-1975). Trong điều kiện, hoàn cảnh lịch sử đó, Việt Nam không thể thực hiện một cách đầy đủ tư tưởng hội nhập quốc tế của mình ở giai đoạn thực hiện 2 cuộc kháng chiến này. Mặc dù vậy, trong thời gian đó, Việt Nam cũng có những hợp tác quốc tế với các nước, nhất là các nước thuộc phe Xã Hội Chủ Nghĩa. Tuy nhiên, những hoạt động hợp tác quốc tế này chưa mang tính chất hội nhập quốc tế với nghĩa như hiện nay.

Ngay sau khi giải phóng miền nam, thống nhất đất nước, tiến hành tổng tuyển cử tự do, tháng 7 năm 1976, nước ta lấy tên là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, Việt Nam đã tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các nước. Tuy nhiên, nhìn nhận ở khía cạnh hội nhập quốc tế thì từ đó đến nay ở Việt Nam

¹ Hồ Chí Minh Toàn Tập, NXB Chính trị quốc gia- sự thật, Hà Nội. 2011, T4 tr 583

² xem TS hoàng Phúc Hiệp: 60 Năm ngành tư pháp thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh, chính sách của đảng, Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế và vấn đề hoàn thiện pháp luật kinh tế, thương mại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Dân chủ và pháp luật- Số chuyên đề 60 năm ngày thành lập tư pháp năm 2005.

có thể chia thành 2 giai đoạn tương ứng với mức độ, tính chất của hội nhập quốc tế.

Trong giai đoạn từ khi giải phóng miền nam, thống nhất đất nước đến trước đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng năm 1986 (Đại hội VI của đảng), Việt Nam có những bước đi nhất định liên quan đến hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, liên quan đến quá trình hội nhập trong giai đoạn này, bên cạnh việc trở thành thành viên một số thiết chế toàn cầu quan trọng (năm 1976, Việt Nam tuyên bố thừa kế quy chế thành viên cấu chính quyền Sài Gòn tại ngân hàng thế giới (World Bank – WB, quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và đến năm 1977 trở thành thành viên của liên hợp quốc)³¹ Việt Nam cũng chủ trương phát triển quan hệ với các nước, nhưng chủ yếu hợp tác với các nước thuộc phe xã hội chủ nghĩa. Trong thời gian này, Việt Nam cũng đã ký nhiều điều ước quốc tế nhằm phát triển quan hệ toàn diện với các nước thuộc phe xã hội chủ nghĩa. Đường lối của đảng ta trong thời kỳ này thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường giữa các nước ta với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi, nhưng ưu tiên quan hệ hợp tác giữa nước ta với tất cả các nước XHCN⁴². Ở thời kỳ này, văn bản pháp lý có hiệu lực cao nhất là Hiến pháp năm 1980 cũng quy định rõ tại Điều 14: “nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tăng cường tình hữu nghị anh em, tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác về mọi mặt với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa khác trên cơ sở chủ nghĩa Mac-Lenin và chủ nghĩa quốc tế vô sản...” và tại Điều 16:...”tăng cường quan hệ hợp tác, tương trợ với các nước anh em trong công đồng xã hội chủ nghĩa theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, bình đẳng các bên cùng có lợi”.

Tuy vậy, bước đột phá về tư tưởng hội nhập quốc tế chỉ thực sự bắt nguồn từ đại hội lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986). Đại hội VI của Đảng đã quyết định đường lối đổi mới toàn diện, mở ra một giai đoạn mới của hội nhập quốc tế với tinh thần mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới, nhất là hợp tác trên lĩnh vực kinh tế. Nghị quyết đại hội VI của Đảng xác định rõ: “mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế”⁵, “mở rộng quan hệ với tất cả các nước trên

³ xem TS hoàng Phúc Hiệp: 60 Năm ngành t- pháp thực hiện t- ởng Hồ Chí Minh, chính sách của đảng, Nhà n- ốc trong lĩnh vực kinh tế và vấn đề hoàn thiện pháp luật kinh tế, th- ong mại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

⁴ Xen Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn Tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t47tr 561

⁵ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập Sđ d, t47 tr561

nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”⁶ và “mở rộng nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại đẩy mạnh xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu, tham gia ngày càng rộng rãi vào sự phân công lao động quốc tế, trước hết và chủ yếu là phát triển quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào, Campuchia với các nước khác trong hội đồng tương trợ kinh tế, chủ động cùng các nước anh em xây dựng và thực hiện chương trình của hội đồng tương trợ kinh tế giúp đỡ Việt Nam, chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học-kỹ thuật đến năm 2000 của hội đồng tương trợ kinh tế. Tích cực phát triển quan hệ kinh tế và khoa học, kỹ thuật với các nước khác, với các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Thực hiện nghiêm túc các cam kết của nước ta trong quan hệ kinh tế với nước ngoài”⁷ mặc dù có những tư tưởng đột phá mới trong hội nhập quốc tế, nhưng Nghị quyết Đại hội đảng lần thứ VI vẫn định hướng chung, tuy có nhấn mạnh đến hợp tác kinh tế quốc tế, nhưng vẫn chưa xác định một cách rõ ràng lĩnh vực ưu tiên trong hội nhập quốc tế, mà chỉ xác định nhóm quốc gia ưu tiên phát triển quan hệ:” phát triển và củng cố quan hệ đặc biệt giữa 3 nước Việt Nam, Lào, và Campuchia; đoàn kết và tôn trọng độc lập, chủ quyền của mỗi nước, hợp tác toàn diện, giúp đỡ lẫn nhau xây dựng và bảo vệ tổ quốc, đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của đảng và nhà nước ta; phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước XHCN anh em khác; góp phần tăng cường sức mạnh và phát huy ảnh hưởng của cộng đồng XHCN”¹.

Thể chế hóa nghị quyết Đại hội VI của đảng về hội nhập quốc tế, nhà nước Việt Nam ban hành các văn bản pháp luật quan trọng trong lĩnh vực kinh tế, đầu tư nước ngoài như: Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987, luật đất đai năm 1987, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng mậu dịch năm 1987, bộ luật hàng hải Việt Nam năm 1990 và một số văn bản pháp luật khác. Nội dung các văn bản pháp luật này thể hiện rõ việc khuyến khích đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, có những quy định nhằm bước đầu phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN (sau này gọi là kinh tế thị trường định hướng XHCN). Tuy nhiên, do mới bắt đầu chuyển từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang thể chế kinh tế mới, nên khung pháp luật trong nước cơ bản còn mang dấu ấn đậm

⁶ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập Sđ d, t47 tr561

⁷ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập Sđ d, tr560

nét của cơ chế này. Trong suốt thời kỳ thực hiện nghị quyết đại hội lần thứ VI của Đảng, mặc dù trong nước chúng ta thu được nhiều thành tựu về đổi mới, nhưng ở lĩnh vực hội nhập quốc tế, Việt Nam chưa có những thành quả lớn. Trong thời kỳ này, mục tiêu hội nhập của Việt Nam chưa thực sự rõ ràng trong các văn bản của Đảng, mặc dù trên thực tế triển khai thì thiên hướng của thời kỳ này là ưu tiên hội nhập kinh tế quốc tế.

Đại hội VII của Đảng Cộng Sản Việt Nam (6-1991) đã đề ra đường lối đối ngoại rộng mở, độc lập tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa theo tinh thần: *“Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”*⁸ nhằm tham gia tích cực vào đời sống kinh tế quốc tế. Đại hội cũng nhấn mạnh *“gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, có chính sách bảo vệ sản xuất nội địa...”*⁹ cố gắng khai thông quan hệ với các tổ chức tiền tệ quốc tế như IMF, WB, ADB... mở rộng quan hệ với các tổ chức hợp tác khu vực ở châu Á – Thái Bình Dương. Cùng với các văn bản pháp luật trước đó, một số văn bản pháp luật mới được ban hành cụ thể hóa quan điểm này của Đảng, như: luật thuế xuất nhập khẩu, thuế nhập khẩu năm 1991, luật hàng không dân dụng năm 1991, luật đất đai năm 1993... các văn bản này đã củng cố thêm cơ sở pháp lý cho việc hội nhập quốc tế của Việt Nam. Trong giai đoạn 1991-1996, Việt Nam đã có những bước đi quan trọng trong quá trình hội nhập quốc tế của mình, cụ thể:

- Năm 1991, Việt Nam bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc;

- Tháng 10-1993, Việt Nam nối lại quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính tiền tệ như quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), ngân hàng thế giới (WB), ngân hàng phát triển châu Á (ADB) sau gần 15 năm gián đoạn.

- Tháng 10-1994, Việt Nam chính thức gửi đơn xin gia nhập ASEAN và trở thành thành viên chính thức tổ chức này kể từ ngày 28-7-1995;

- Tháng 12-1994, Việt Nam đã gửi đơn xin gia nhập tổ chức thương mại quốc tế (WTO);

- Năm 1995, Việt Nam bình thường hóa quan hệ ngoại giao với hòa kỳ;

⁸ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ VII, nxb Hà nội 1991, trang 147/69

⁹ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ VII, nxb Hà nội 1991, trang 147/69

- Tháng 3-1996, Việt Nam tham gia diễn đàn hợp tác Á-Âu (ASEM), sau đó tổ chức chủ trì hội nghị hợp tác Á-ÂU tại Hà Nội;

- Tháng 6-1996, Việt Nam gửi đơn gia nhập diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á-Thái bình dương (APEC).

Như vậy suốt thời kỳ thực hiện nghị quyết đại hội đảng lần thứ VII, bên cạnh những ưu tiên về hợp tác kinh tế quốc tế, Việt Nam cũng thực hiện những bước đột phá trong mở rộng quan hệ, hợp tác trên nhiều lĩnh vực với các quốc gia, tổ chức quốc tế.

Đại hội lần thứ VIII (tháng 6-1996) của Đảng Cộng Sản Việt Nam tiếp tục chủ trương hội nhập kinh tế. theo đó, đảng ta khẳng định chủ trương xây dựng một nền kinh tế mở, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại, hướng mạnh về xuất nhập khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu hàng hóa trong nước sản xuất có hiệu quả, tranh thủ vốn, công nghệ và thị trường quốc tế; mở rộng quan hệ quốc tế, “hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi”¹⁰ với các giải pháp cụ thể: mở rộng thị trường *xuất khẩu*, đổi mới cơ cấu và nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu”¹¹ “ tiếp theo việc gia nhập ASEAN và chuẩn bị cho việc tham gia khối mậu dịch tự do (AFTA), cần xúc tiến việc tham gia diễn đàn kinh tế châu á – thái bình dương (APEC), tổ chức thương mại thế giới (WTO), từng bước tham gia các hoạt động của hệ thống toàn cầu về ưu đãi thương mại với các nước đang phát triển (GSTP), áp dụng các chuẩn mực thương mại quốc tế về từng mặt hàng xuất khẩu”¹² “ tranh thủ thu hút nguồn *tài trợ phát triển chính thức* (ODA) đa phương và song phương”¹³ “ *đầu tư trực tiếp của nước ngoài*” (FDI) hướng vào nhiều lĩnh vực, những sản phẩm và dịch vụ có công nghệ tiên tiến, có tỷ lệ xuất khẩu cao”¹⁴ . bên cạnh ưu tiên hội nhập quốc tế, việc hội nhập quốc tế ở các lĩnh vực khác, mặc dù không được khẳng định thực sự rõ ràng, nhưng đã được đề cập bước đầu trong nghị

¹⁰ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ VII, nxb Hà nội 1996 trang 120.121.196.197203

¹¹ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ VII, nxb Hà nội 1996 trang 120.121.196.197203

¹² Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ VII, nxb Hà nội 1996 trang 120.121.196.197203

¹³ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ VII, nxb Hà nội 1996 trang 120.121.196.197203

¹⁴ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ VII, nxb Hà nội 1996 trang 120.121.196.197203

quyết đại hội VIII của Đảng như sau: “ *giải quyết việc làm, phát triển toàn diện các mặt hoạt động về văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình và các mặt xã hội khác* nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất tinh thần và thể lực của dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và hội nhập vào cộng đồng quốc tế”¹⁵.

Để tiếp tục có cơ sở pháp lý vững chắc phục vụ hội nhập, các văn bản pháp luật của nhà nước ta thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ VIII sâu sắc hơn việc hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó, đặc biệt là luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996, luật các tổ chức tín dụng từ năm 1997, luật khiếu nại tố cáo năm 1998.

Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng Sản Việt Nam (tháng 4 năm 2001 đã nhấn mạnh rõ ràng hơn một bước về hội nhập kinh tế quốc tế. trong đó, khẳng định Việt Nam chủ động hội nhập kinh tế quốc tế: “ gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với hội nhập kinh tế quốc tế”¹⁶, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tranh thủ mọi thời cơ để phát triển trên nguyên tắc giữ vững độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ quyền quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc; bình đẳng cùng có lợi, vừa hợp tác vừa đấu tranh; đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại”¹⁷, “ tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa’ chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp với điều kiện của nước ta và bảo đảm thực hiện những cam kết trong quan hệ song phương và đa phương như AFTA, APEC, hiệp định thương mại Việt – Mỹ, tiến tới gia nhập WTO...”¹⁸. Trong báo cáo của Ban chấp hành trung ương đảng khóa VIII tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2001-2005, Đảng ta nêu rõ: “ mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Củng cố thị trường đã có và mở rộng thị trường mới. tạo điều kiện thuận lợi để tăng nhanh xuất khẩu, thu hút vốn, công nghệ từ bên ngoài. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, thực hiện các cam kết song phương và đa phương”¹⁹; đồng thời, đặt ra yêu cầu về hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật

¹⁵ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ VII, nxb Hà nội 1996 trang 120.121.196.197203

¹⁶ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ VII, nxb Hà nội 1996 trang 120.121.196.197203

¹⁷ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ IX nxb Chính trị quốc gia hà nội Hà nội 2001 tr 167.198.199

¹⁸ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ IX nxb Chính trị quốc gia hà nội Hà nội 2001 tr 167.198.199

¹⁹ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ IX sđ d tr 263,329.330

phục vụ yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế: “Đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp luật phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung pháp luật hiện hành phù hợp với yêu cầu thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là các luật: luật thương mại, luật phá sản doanh nghiệp, bộ luật lao động, luật các tổ chức tín dụng, luật ngân sách nhà nước, luật đất đai,... xây dựng một số luật mới như: luật doanh nghiệp trên cơ sở thống nhất luật doanh nghiệp nhà nước và luật doanh nghiệp hiện hành; luật đầu tư trên cơ sở thống nhất luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và luật khuyến khích cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong doanh nghiệp, v.v... đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng luật, ban hành và thực thi pháp luật, trong đó chú trọng việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật và tổ chức thi hành luật một cách nghiêm minh”²⁰. Cũng thời kỳ này, Việt Nam đã có một số văn bản của Đảng về hội nhập quốc tế, ví dụ: Ngày 27/11/2001, bộ chính trị ra nghị quyết số 07-NQ/TW về hội nhập kinh tế quốc tế (Nghị quyết số 07-NQ/TW). Theo đó, Việt Nam “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, kiến thức quản lý để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh, trước mắt lag thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ nêu ra trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2005 và kế hoạch 5 năm 2001-2005” (phần thứ 2, mục I). đây là văn kiện quan trọng liên quan trực tiếp đến chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

(1) Ngày 03/02/2004, Ban chấp hành trung ương đảng đã ra nghị quyết số 34-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (nghị quyết số 34-NQ/TW). Nghị quyết số 34-NQ/TW nhấn mạnh nhiệm vụ chủ yếu của Đảng, toàn dân ta là chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương và song phương nước ta đã ký kết và chuẩn bị tốt các điều kiện để sớm gia nhập WTO; tạo môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định, thông thoáng, có tính cạnh tranh cao so với khu vực, tăng nhanh xuất khẩu và thu hút mạnh đầu tư nước ngoài. Trong thời kỳ thực hiện nghị quyết đại hội IX của đảng, đã có nhiều văn bản pháp luật phục vụ hội nhập quốc tế ra đời hoặc được sửa đổi, bổ sung. Nhiều

²⁰ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ IX số d tr263,329.330

luật quan trọng được ban hành trong giai đoạn này: luật hải quan năm 2001, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động năm 2002, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2002, luật đất đai năm 2003, bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các tổ chức tín dụng năm 2004, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật khiếu nại, tố cáo năm 2004, luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân năm 2004, luật cạnh tranh năm 2004, bộ luật hàng hải năm 2005, luật thương mại năm 2005, bộ luật dân sự năm 2005, luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, luật sở hữu trí tuệ năm 2005, luật đầu tư năm 2005, luật đấu thầu năm 2005, v.v. các văn bản pháp luật được ban hành trong giai đoạn này tiếp thu các chuẩn mực quốc tế nhằm thực hiện những điều ước quốc tế về thương mại, kinh tế mà Việt Nam đã là thành viên, như: Hiệp định về chương trình thuế ưu đãi có hiệu lực chung cho khu vực mậu dịch tự do ASEAN (CEPT/AFTA), hiệp định thương mại song phương Việt Nam-Hoa kỳ (BTA), hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN – Trung Quốc (CAFTA) năm 2002, hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA) năm 2005, hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản (AJCEP) năm 2003, hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Ấn Độ (AIFTA) năm 2003; đồng thời, cũng để chuẩn bị tốt cơ sở pháp lý gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) và tham gia các khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế khác.

Đối với hội nhập trong các lĩnh vực khác, tại đại hội đảng lần thứ IX, đảng ta khẳng định: “ mở rộng quan hệ nhiều mặt song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi, giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hòa bình”²¹ chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia”²². Liên quan đến chính sách phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, Đảng ta nêu rõ: “ tăng cường đầu tư vào phát triển con người thông qua phát triển mạnh giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Bảo đảm nguồn

²¹ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ IX. Sđ d120,134

²² Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ IX. Sđ d120,134

nhân lực về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đặt giáo dục hoạt động trong môi trường sư phạm lành mạnh, nhanh chóng tiếp cận trình độ khu vực quốc tế.

Đổi mới chính sách đào tạo, sử dụng và đãi ngộ tri thức, trọng dụng và tôn vinh nhân tài. Chú trọng sử dụng và phát huy tiềm năng tri thức của người Việt Nam ở nước ngoài. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ”²³.

Đại hội lần thứ X của Đảng Cộng Sản Việt Nam (tháng 4-2006) đã đưa ra những kết luận quan trọng về những thành tựu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã đạt được trong thời gian qua và đặt ra những nhiệm vụ mới. Đại hội nhấn mạnh phải tạo bước ngoặt về hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động kinh tế đối ngoại, trong đó: thực hiện tốt đường lối, chính sách đối ngoại của đảng và nhà nước; chủ động, tích cực hội nhập kinh tế sâu hơn, đầy đủ hơn với khu vực và thế giới. Thực hiện có hiệu quả các cam kết với các nước, các tổ chức quốc tế về thương mại, đầu tư, dịch vụ và các lĩnh vực khác. Thực hiện các cam kết của khu vực mậu dịch tự do ASEAN và tích cực tham gia quá trình xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN. Chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện các cam kết sau khi nước ta gia nhập WTO”²⁴.

Tháng 01-2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO. Ngay sau đó, ngày 05-02-2007, ban chấp hành trung ương Đảng đã ra nghị quyết số 08-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách lớn đề nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại thế giới (Nghị quyết số 08-NQ/TW). Đây là văn kiện quan trọng liên quan trực tiếp đến các chủ trương, chính sách của Việt Nam sau khi Việt Nam đã là thành viên WTO. Liên quan đến hệ thống văn bản pháp luật, nghị quyết số 08-NQ/TW yêu cầu: *“khẩn trương bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của tổ chức thương mại thế giới; hình thành nhanh và đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; phát huy tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực”*²⁵, “khẩn trương rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, loại bỏ những văn bản, quy định chồng chéo, không còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung

²³ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ IX .Số dd.331.332

²⁴ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ IX nxb Chính trị quốc gia Hà nội 2006 trang 2004

²⁵ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ X. NXB chính trị quốc gia Hà nội 2007 trang 48

những quy định mới phù hợp với các cam kết quốc tế. Tập trung xây dựng và bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp luật trong một số lĩnh vực quan trọng, như về quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, luật trọng tài và tài phán trong tranh chấp thương mại, luật hình sự, luật xuất bản, luật điện ảnh... các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường để bảo vệ thị trường trong nước và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường phù hợp với cam kết và điều kiện cụ thể nước ta”²⁶. Về hệ thống thiết chế, nghị quyết số 08-NQ/TW khẳng định” kiên quyết lại bỏ nhanh các thủ tục hành chính không còn phù hợp; đẩy mạnh phân cấp gắn với tăng cường trách nhiệm và kiểm tra, giám sát; đẩy nhanh tiến độ ra quyết định của các cơ quan nhà nước; thực hiện công khai, minh bạch mọi chính sách, cơ chế quản lý, quy trình tác nghiệp, chống phiền hà, nhũng nhiễu, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân giám sát thực hiện. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần thực hiện tốt chủ trương này”²⁷, sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước theo yêu cầu phổ biến là quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; khắc phục sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, tăng cường sự phối hợp đồng bộ, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động. Khẩn trương hoàn thiện tổ chức, cơ chế hoạt động của cơ quan quản lý cạnh tranh, chống trợ cấp, chống bán phá giá, quản lý thị trường. Kiện toàn tổ chức và bảo đảm điều kiện hoạt động cho các cơ quan đại diện Việt Nam tại trụ sở Tổ chức thương mại thế giới. Tổng kết hoạt động và kiện toàn ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế. hoàn thiện cơ chế và tổ chức điều phối liên ngành về hợp tác kinh tế quốc tế phù hợp yêu cầu nhiệm vụ mới. khẩn trương xây dựng đội ngũ công chức chuyên nghiệp, hiện đại, “vừa hồng vừa chuyên” trong thời kỳ đổi mới, loại bỏ khỏi bộ máy nhà nước những công chức không đủ năng lực, thiếu trách nhiệm, gây phiền hà, nhũng nhiễu nhân dân, doanh nghiệp, không vì sự nghiệp phát triển đất nước”²⁸. Liên quan đến đào tạo nguồn nhân lực, trong đó có đào tạo pháp luật, nghị quyết số 08-NQ/TW chỉ rõ: khẩn trương xây dựng đề án tổng thể cải cách giáo dục-đào tạo nghề – từ nội dung, chương trình đến phương pháp dạy và học, chế độ thi cử; chú trọng đào tạo ngoại ngữ, tin học và pháp luật quốc tế, kiến thức và kỹ năng hành chính; đào tạo và đào tạo lại giáo viên đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu và có chất lượng cao. Huy động mạnh mẽ các nguồn

²⁶ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ X. NXB chính trị quốc gia Hà nội 2007 trang 48.52

²⁷ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ X. NXB chính trị quốc gia Hà nội 2007 trang 48.52

²⁸ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ X. NXB chính trị quốc gia Hà nội 2007 trang 52.53

lực để phát triển giáo dục – đào tạo. Trên cơ sở quản lý khung chương trình đào tạo của nhà nước, mở cửa thu hút các nguồn nhân lực từ nước ngoài cho đào tạo đại học và sau đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, tin học, thiết kế, chế tạo, tài chính-kế toán, quản trị doanh nghiệp, ngoại ngữ, luật pháp quốc tế... thực hiện thí điểm cổ phần hóa một số trường công lập. Tạo ra một cơ cấu lao động mới, trong đó, lao động trình độ cao, có kỹ năng, biết ngoại ngữ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn. Gấp rút đào tạo đội ngũ luật sư am hiểu luật pháp quốc tế, ngoại ngữ giỏi, có đủ khả năng tham gia tranh tụng quốc tế; đào tạo đội ngũ chuyên gia tư vấn, kế toán, kiểm toán, quản trị doanh nghiệp đạt trình độ quốc tế. Triển khai nhanh chương trình quốc gia về đào tạo tiếng anh và các ngoại ngữ thông dụng khác. Có chính sách sử dụng và đãi ngộ đúng mức để thu hút những chuyên gia giỏi ở trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài vào công cuộc phát triển đất nước”²⁹. Như vậy, nghị quyết số 08-NQ/TW đã đề cập khá cụ thể về cải cách hệ thống pháp luật theo nghĩa rộng để phục vụ yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế. thực hiện chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của đảng, ngày 27-02-2007 chính phủ đã thông qua nghị quyết số 16/2007/NQ-CP ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện nghị quyết số 08-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại thế giới (Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP). Theo nghị quyết số 16/2007/NQ-CP, các bộ, ngành và địa phương triển khai trên thực tế nhiều biện pháp đồng bộ để thực hiện tốt các cam kết với WTO.

Bên cạnh việc trở thành thành viên WTO, Việt Nam cũng tích cực ký kết, trở thành thành viên của nhiều hiệp định thương mại, thương mại tự do. Trong thời kỳ thực hiện nghị quyết đại hội X, Việt Nam ký hiệp định đôi tác kinh tế toàn diện Việt Nam-Nhật Bản (VJEPA) năm 2008 và trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam ký kết hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) năm 2009, hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) năm 2009, hiệp định thành lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Australia - New zealand (AANZ) năm 2009 và tiếp tục ký kết các hiệp định trong khuôn khổ mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc, khu vực mậu dịch tự do ASEAN -Hàn Quốc, hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Ấn Độ (AIFTA). Đối với các văn

²⁹ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ X. NXB chính trị quốc gia Hà nội 2007 số d, tr 54-56

bản pháp luật do cơ quan nhà nước ban hành trong giai đoạn thực hiện Nghị quyết đại hội X, có rất nhiều văn bản pháp luật để thực hiện các cam kết của Việt Nam với WTO và các cam kết kinh tế quốc tế khác, ví dụ: luật chứng khoán năm 2006, luật hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006, luật luật sư năm 2006, luật kinh doanh bất động sản năm 2006, luật chất lượng, sản phẩm hàng hóa năm 2007, luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, luật thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật điện ảnh năm 2009, luật cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài năm 2009, luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật hình sự năm 2009, luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật sở hữu trí tuệ năm 2009, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009, luật ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2010, luật các tổ chức tín dụng năm 2010, luật bưu chính năm 2010, luật trọng tài thương mại năm 2010, luật an toàn thực phẩm năm 2010, luật tổ tụng hành chính năm 2010, luật kiểm toán độc lập năm 2011, v.v.

Mặc dù xác định mục tiêu là hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng đối với các lĩnh vực khác như văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, đảng ta cũng xác định phương hướng hợp tác quốc tế rất cụ thể, theo hướng mở. Đảng ta nhấn mạnh: “mở rộng giao lưu văn hóa, thông tin với thế giới”³⁰. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo. Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng các trường công lập; bổ sung chính sách ưu đãi để phát triển các trường ngoài công lập và các trung tâm giáo dục công đồng. Có lộ trình cụ thể cho việc chuyển một số cơ sở giáo dục, đào tạo công lập sang dân lập, tư thục. Xóa bỏ hệ bán công, khuyến khích thành lập mới, và phát triển các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề ngoài công lập, kể cả trường do nước ngoài đầu tư”³¹ tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo; từng bước xây dựng nền giáo dục hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”³ và “đẩy mạnh hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ, khuyến khích tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư về khoa học và công nghệ, thu hút chuyên gia, đặc biệt là chuyên gia giỏi người Việt Nam định cư ở nước

³⁰ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ X số 1, tr 214

³¹ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ X. số 1, tr 208.209.212

ngoài tham gia giảng dạy, phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam”³². thể chế hóa chủ trương này của đảng, nhiều văn bản pháp luật về văn hóa - xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ, và các lĩnh vực khác cũng đã có các quy định liên quan đến mở rộng hợp tác quốc tế.

Đại hội lần thứ XI của đảng cộng sản Việt Nam tháng 01/2011 đánh dấu một bước phát triển mới về nhận thức và hành động trong hội nhập quốc tế với việc khẳng định Việt Nam.

Hội nhập toàn diện thay cho hội nhập kinh tế quốc tế trước đây. báo cáo chính trị của ban chấp hành trung ương đảng khóa X tại đại hội lần thứ XI đã khẳng định: “ thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc vì một nước Việt Nam XHCN giàu mạnh”³³, “nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa ra các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ phát huy tối đa nội lực, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế. xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, mở rộng thị trường khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực về vốn, khoa học - công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến. tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh song phương và đa phương vì lợi ích quốc gia trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, hiến chương liên hợp quốc. thực hiện tốt công việc tại các tổ chức quốc tế, đặc biệt là liên hợp quốc. tích cực hợp tác cùng các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế trong việc đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thông, và nhất là tình trạng biến đổi khí hậu; sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khi vực có liên quan về vấn đề dân chủ, nhân quyền, chủ động, kiên quyết, đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị của Việt Nam. Thúc đẩy giải quyết các vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, ranh giới biển và thềm lục địa với các nước liên quan trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực; làm tốt công tác quản lý biên giới, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu

³² Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ X. NXB chính trị quốc gia Hà nội 2007 sđd, tr 54-56

³³ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XI. NXB chính trị quốc gia Sự thật Hà nội 2011, tr 235-236

nghe, hợp tác cùng phát triển. củng cố, phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống với các nước láng giềng có chung biên giới. chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước xây dựng cộng đồng ASEAN vững mạnh, tăng cường quan hệ với các nước đối tác, tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong khuôn khổ hợp tác ở khu vực châu á- thái bình dương. Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, mở rộng tham gia các cơ chế, diễn đàn đa phương ở khu vực và thế giới. coi trọng và nâng cao hiệu quả của công tác ngoại giao nhân dân, tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược, tham mưu về đối ngoại, chăm lo đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại; thường xuyên bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho cán bộ chủ chốt các cấp.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của đảng, sự quản lý tập trung của nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của đảng, ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh³⁴; đổi mới, tăng cường việc giới thiệu, truyền bá văn hóa, văn học nghệ thuật, đất nước, con người Việt Nam với thế giới. mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, báo chí, xuất bản. Xây dựng một số trung tâm văn hóa ở nước ngoài và trung tâm dịch thuật, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.

Tiếp thu những kinh nghiệm tốt về phát triển văn hóa của các nước, giới thiệu các tác phẩm văn học, nghệ thuật đặc sắc của nước ngoài với công chúng Việt Nam. Thực hiện đầy đủ cam kết quốc tế về bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả các sản phẩm văn hóa. Xây dựng cơ chế, chế tài ngăn chặn, đẩy lùi, vô hiệu hóa sự xâm nhập và tác hại của các sản phẩm đồi trụy, phản động; bồi dưỡng và nâng cao sức đề kháng của công chúng, nhất là thế hệ trẻ³⁵, tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh³⁶. Theo nghĩa đó, hội nhập quốc tế diễn ra trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh- quốc phòng, văn hóa, giáo dục, xã hội và các lĩnh vực khác. Trong lĩnh vực văn bản pháp luật của nhà nước, từ đó đến nay, Việt Nam chú trọng hơn trong việc ban hành các văn bản pháp luật thể hiện việc hội nhập toàn diện.

³⁴ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XI SĐd, tr 236.238

³⁵ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XI sđ d 226-227.233

³⁶ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XI sđ d 226-227.233

ngoài các văn bản pháp luật về thương mại, kinh tế, như: bộ luật lao động năm 2012, luật giá năm 2012, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật luật sư năm 2012, luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013, luật đấu thầu năm 2013, luật đất đai năm 2013, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng chú ý đến yếu tố hội nhập quốc tế khi ban hành các văn bản pháp luật ở các lĩnh vực khác, phi kinh tế như: luật phòng, chống mua bán người năm 2011, luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012, luật giáo dục đại học năm 2012, luật phòng, chống khủng bố năm 2013, luật giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2013, v.v.

Liên quan đến quan điểm về hội nhập quốc tế toàn diện ngày 10-4-2013, bộ chính trị ban chấp hành trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam đã ban hành nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế (nghị quyết số 22-NQ/TW). Đây là nghị quyết có ý nghĩa rất quan trọng, cụ thể hóa đường lối đối ngoại và chủ trương “ chủ động, tích cực hội nhập quốc tế” mà đại hội đảng toàn quốc lần thứ XI đã đề ra. Nghị quyết số 22-NQ/TW đã khẳng định chủ động, tích cực hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược lớn của Đảng nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN. Nghị quyết đã chỉ rõ mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và những định hướng chủ yếu để triển khai công tác hội nhập quốc tế toàn diện trong thời gian tới. Theo đó, mục tiêu của hội nhập quốc tế nhằm củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam; quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Các định hướng trong hội nhập quốc tế toàn diện được xác định như sau:

Về hội nhập kinh tế quốc tế, tiếp tục thực hiện nghị quyết hội nghị lần thứ 4 ban chấp hành trung ương Đảng khóa X “về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên tổ chức thương mại thế giới” (nghị quyết trung ương 4 khóa X) trong tình hình mới gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là nhiệm vụ đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế theo nghị quyết đại hội XI của Đảng. không ngừng cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài, gắn thu hút đầu tư với giám sát quá trình thực thi, bảo đảm an ninh kinh tế, hiệu quả kinh tế - xã hội – môi trường. đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu đầu tư công,

khuyến khích các hoạt động đầu tư tư nhân và các hoạt động hợp tác công – tư. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; quản lý chặt chẽ nợ công, bao gồm cả vay nợ nước ngoài. Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã thỏa thuận. xây dựng và triển khai chiến lược, tham gia các khu vực mậu dịch tự do với các các đối tác kinh tế- thương mại quan trọng trong một kế hoạch tổng thể với lộ trình hợp lý, phù hợp với lợi ích và khả năng của đất nước. Chủ động xây dựng và thực hiện các biện pháp bảo vệ lợi ích chính đáng của nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước, đẩy mạnh việc tham gia vào các thể chế thương mại – tài chính – tiền tệ khu vực và toàn cầu, xây dựng và triển khai chiến lược hội nhập trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ phù hợp với yêu cầu và trình độ phát triển của đất nước.

Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác nhất là các đối tác có tầm quan trọng chiến lược đối với sự phát triển và an ninh của đất nước; đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập đi vào thực chất, tạo sự đan xen gắn kết lợi ích giữa nước ta và đối tác.

Chủ động và tích cực tham gia các thể chế đa phương, góp phần xây dựng trật tự chính trị và kinh tế công bằng, dân chủ, ngăn ngừa chiến tranh, xung đột, củng cố hòa bình, đẩy mạnh hợp tác cùng có lợi. trong đó, đặc biệt chú trọng việc tham gia xây dựng cộng đồng ASEAN, phát huy vai trò của Việt Nam trong ASEAN và các cơ chế, diễn đàn do ASEAN giữ vai trò trung tâm, nhằm tăng cường đoàn kết, gia tăng liên kết nội khối, củng cố quan hệ hợp tác với các bên đối thoại của ASEAN, thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển trong khu vực.

Phát huy vai trò tại các tổ chức, diễn đàn, cơ chế hợp tác mà nước ta là thành viên. Xây dựng và triển khai kế hoạch gia nhập các tổ chức, diễn đàn khác, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. tích cực triển khai chủ trương đưa người Việt Nam vào làm việc tại các tổ chức quốc tế, chủ động chuẩn bị nhân sự ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo của các tổ chức quốc tế.

Chủ động mở rộng quan hệ đối ngoại của Đảng, tích cực và nâng cao hiệu quả tham gia diễn đàn các chính đảng; tích cực tham gia các cơ chế hợp tác nghị viện và liên nghị việc khu vực và quốc tế; mở rộng giao lưu nhân dân, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN. Xây dựng và triển khai chiến lược hội nhập quốc phòng an ninh phù hợp với tư duy mới về bảo vệ tổ quốc, bảo đảm an ninh quốc

gia, khai thác hiệu quả các nguồn lực bên ngoài. Vị thế quốc tế của đất nước nhằm phục vụ mục tiêu bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác song phương về quốc phòng, an ninh với các nước láng giềng, các nước ASEAN, các nước lớn, các nước bạn bè truyền thống; từng bước đưa hợp tác đi vào chiều sâu, hiệu quả. Chủ động phát hiện, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng hội nhập quốc tế để xâm phạm an ninh quốc gia nước ta. Đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các cơ quan an ninh, tình báo, cảnh sát các nước, trước hết là các nước láng giềng, các nước lớn; chủ động, tích cực tham gia các cơ chế hợp tác chống tội phạm xuyên quốc gia và đối phó với các thách thức về an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng, an ninh mạng, an ninh biển và các thách thức an ninh phi truyền thống khác.

Chủ động và tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh mà nước ta là thành viên, trước hết là các cơ chế trong khuôn khổ ASEAN và do ASEAN làm chủ đạo. xây dựng và triển khai kế hoạch ra nhập các cơ chế đa phương khác; trong đó, có việc tham gia các hoạt động hợp tác ở mức cao hơn, như hoạt động giữ gìn hòa bình cầu liên hợp quốc, kiểm soát phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, diễn tập chung, và các hoạt động khác, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc và góp phần đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu ổn định, bền vững.

Về hội nhập văn hóa, xã hội, giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ, y tế và các lĩnh vực khác, cần lồng ghép các hoạt động hội nhập quốc tế trong quá trình xây dựng và triển khai chiến lược phát triển các lĩnh vực này. Đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương về văn hóa, xã hội, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo, trước hết là xây dựng cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN, tập trung vào phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ quốc tế, tiếp thu tri thức, nhất là tri thức về quản lý và khoa học công nghệ, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Tăng cường quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam với bạn bè quốc tế.

Thực hiện các cam kết và đóng góp vào việc sửa đổi, hoàn thiện và xây dựng mới các chuẩn mực, sáng kiến của tổ chức quốc tế mà nước ta là thành viên, trước hết là các tổ chức thuộc hệ thống liên hiệp quốc. Tích cực tham gia các thể chế hợp tác về môi trường, đóng góp vào nỗ lực chung phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, nguồn nước, động vật, thực vật ở nước ta và trên thế giới.

Chủ động, tích cực giới thiệu, tham gia và nâng cao chất lượng, thành tích trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao... ở khu vực và trên thế giới.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, văn hóa, thông tin, tuyên truyền; đấu tranh có hiệu quả nhằm hạn chế các tác động tiêu cực về xã hội, văn hóa, tư tưởng, đạo đức, lối sống.

Theo định hướng nêu trên, hiện tại các văn bản pháp luật của nhà nước đang cụ thể hóa các nội dung về hội nhập toàn diện. việc cụ thể hóa đường lối hội nhập quốc tế toàn diện của đảng được thể hiện rõ nhất trong hiến pháp năm 2013 cùng với việc sửa đổi và ban hành các văn bản pháp luật trong thời gian qua. Hiện tại, Việt Nam cũng đang tích cực sửa đổi các văn bản pháp luật tác động trực tiếp, tháo gỡ các vướng mắc liên quan đến thủ tục ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế, như: Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế năm 2007.

